TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 -8-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Nguyễn Hải Hưng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Huỳnh Ng, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã NP, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã NP, huyện UM, tỉnh CM (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Quách Hồng Th, sinh 1952

- Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã NP, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019, tại đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019 và tại phiên tòa chị Lê Huỳnh Ng trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Ng và anh N đi đến hôn nhân từ năm 2005, có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, anh N có quan hệ vợ chồng với người phụ nữ khác, anh N có thừa nhận, từ đó dẫn đến thường cãi vã nhau, dẫn đến xô xác nhau, có được gia đình 2 bên hàn gắn nhưng không kết quả, hiện tại đã ly thân nhau. Chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 3 cháu tên Phạm Khải M, sinh ngày 15/4/2007; cháu Phạm Khải Đ, sinh ngày 23/9/2009 và cháu Phạm Khải L, sinh ngày 15/01/2014, Chị Ng thống nhất với nguyện vọng của cháu M là được anh N nuôi dưỡng, còn cháu Đ nguyện vọng ở với chị, chị đồng ý nuôi dưỡng còn cháu L đang ở với chị chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi một cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản:

+ Tài sản chung: Có 1 chiếc xe hiệu Ablal; 01 chiếc xe Wasalpa; 01 chiếc ghe chở hàng 20 tấn; 01 chiếc ghe chở hàng 15 tấn; vật liệu xây dựng.

+ Tài sản riêng: Anh N có mượn riêng của chị một sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 18k và 01 chiếc vòng đeo tay 1,4 chỉ vàng 18k.

Về tài sản chung và tài sản riêng Chị Ng xin rút lại toàn bộ để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ ông Lê Thanh Ph số tiền 20.000.000 đồng; nợ anh Lê Hoàng R số tiền 7.000.000 đồng.

- Anh N nợ mẹ ruột là bà Quách Hồng Th 14 chỉ vàng 24k, trong 14 chỉ vàng này có 6 chỉ 5 phân vàng 24 k là tài sản chung của chị và anh N, vàng cho mướn đất, anh N mượn vàng của bà Th thì anh N có nghĩa vụ trả.

** Tại biên bản hòa giải ngày 03/5/2019 anh Phạm Văn N trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm kết hôn, có đăng ký kết hôn như trình bày của Chị Ng là đúng còn về mâu thuẫn chỉ có cự cãi qua lại với nhau, anh N đồng ý ly hôn với Chị Ng nhưng tại bản tự khai ngày 31/7/2019 anh N không đồng ý ly hôn với Chị Ng.

- Về con chung: Có 03 người con chung như trình bày của Chị Ng là đúng, trường hợp các con có nguyện vọng ở với mẹ thì anh đồng ý để Chị Ng nuôi dưỡng nhưng tại bản tự khai ngày 31/7/2019 anh N yêu cầu được nuôi 3 người con chung, không yêu cầu Chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Không có nợ vàng của bà Th mà anh có nhận từ bà Th 14

chỉ vàng 24 là tài sản chung của anh với Chị Ng gởi bà Th cất giữ dùm; chỉ có nợ anh R 7.000.000 đồng và nợ ông Ph là 20.000.000 đồng, số nợ ông Ph, nợ anh Ri anh N đồng ý thỏa thuận trả, không yêu cầu Chị Ng phải trả.

** Trong quá trình tố tụng bà Quách Hồng Th trình bày:* Bà Th có cho anh N mượn 14 chỉ vàng 24k, nguồn gốc số vàng này bà cho riêng Chị Ng nhưng bà chưa giao cho Chị Ng mà bà cho anh N mượn lại. Bà Th chỉ yêu cầu anh N trả lại cho bà 07 chỉ vàng 24k.

** Tại biên bản ghi lời ngày 31/7/2019 cháu Phạm Khải M rình bày:*

Cháu M có nguyện vọng được cha là anh Phạm Văn N nuôi dưỡng.

** Tại biên bản ghi ý kiến ngày 19/7/2019 cháu Phạm Khải Đ trình bày:*

Cháu Đ có nguyện vọng được mẹ là chị Lê Huỳnh Ng nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Nga khởi kiện yêu cầu ly hôn, người nuôi con chung; cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn N, địa chỉ ấp 3, xã NP, huyện UM, tỉnh CM, theo khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Phạm Văn N có đơn yêu cầu xét xử váng mặt nên xét xử vắng mặt anh N theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai ngày 31/5/2019 ông Lê Thanh Ph và anh Lê Hoàng R không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trong vụ này mà để các bên tự thỏa thuận nên không đưa ông Ph và anh R tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Huỳnh Ng và anh Phạm Văn N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa Chị Ng và anh N là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa Chị Ng và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân, Chị Ng yêu cầu ly hôn với anh N. Tại biên bản hòa giải ngày 03/5/2019 anh N đồng ý ly hôn với Chị Ng, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 31/7/2019 anh N không đồng ý ly hôn. Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, Chị Ng kiên quyết ly hôn, anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm giữa anh với Chị Ng. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Ng và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho Chị Ng và anh N ly hôn.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Phạm Khải M, cháu Phạm Khải Đ trên 7 tuổi, cháu M có nguyện vọng được do anh N nuôi dưỡng; cháu Đ có nguyện vọng được do Chị Ng nuôi dưỡng nên ghi nhận nguyện vọng của các cháu. Riêng cháu Phạm Khải L chưa đủ 7 tuổi và hiện nay do Chị Ng nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Phạm Khải M cho anh N nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Khải Đ và cháu Phạm Khải L cho Chị Ng nuôi dưỡng là đảm bảo cho các con chung có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Chị Ng, anh N có quyền thăm nom các cháu không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Huỳnh Ng nuôi dưỡng 2 cháu, anh N nuôi dưỡng 01 cháu, Chị Ng yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 1 cháu, nhận thấy cháu L hiện nay còn nhỏ cần phải có thêm sự hỗ trợ của anh N để Chị Ng nuôi dưỡng cháu L. Do đó buộc anh N cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu L mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản: Chị Lê Huỳnh Ng xác định:

Tài sản chung: Có 1 chiếc xe hiệu Ablal; 01 chiếc xe Wasalpa; 01 chiếc xe chở hàng 20 tấn; 01 chiếc ghe chở hàng 15 tấn; vật liệu xây dựng.

Tài sản riêng: Anh N có mượn riêng của chị một sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 18k và 01 chiếc vòng đeo tay 1,4 chỉ vàng 18k.

Khi khởi kiện ban đầu Chị Ng yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu anh N trả lại tài sản riêng nhưng trong quá trình tố tụng Chị Ng xin rút lại toàn bộ yêu cầu này, xét đây là tự nguyện của Chị Ng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và đòi lại tài sản riêng của Chị Ng, theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về nợ:

- Đối với khoản nợ của ông Lê Thanh Ph và của anh Lê Hoàng R, ông Ph, anh R không yêu cầu nên không xem xét, sau này giữa ông Ph, anh R với chị Ng, anh N có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Đối với khoản nợ của bà Quách Hồng Th: Bà Th xác định có cho anh N mượn vàng và yêu cầu trả 7 chỉ vàng 24k. Còn anh N thì cho rằng số vàng này là tài sản chung của anh và Chị Ng gởi bà Th nên khi cần tiền làm ăn nên anh lấy lại. Chị Ng xác định 7 chỉ vàng 24k bà Th yêu cầu anh N trả không phải là tài sản chung, anh N mượn của bà Th thì anh N có nghĩa vụ trả.

Xét yêu cầu của các bên đương sự nhận thấy anh N thừa nhận có nhận vàng từ bà Th phù hợp với trình bày của bà Th và Chị Ng về số lượng vàng nhưng anh N xác định đây là tài sản chung; Chị Ng không thừa nhận nhận số vàng này là tài sản chung; anh N không có chứng cứ gì khác chứng minh số

vàng bà Th cho anh mượn là tài sản chung của anh N và chị Ng nên nhận thấy 7 chỉ vàng 24k bà Th cho anh N mượn không phải là tài sản chung của anh N và Chị Ng. Việc giao vàng cho anh N là do bà Th trực tiếp giao nên buộc anh N trả lại cho bà Th 7 chỉ vàng 24k. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà Th, buộc anh N trả cho bà Th 7 chỉ vàng 24k. Đối với việc bà Th cho rằng số vàng này là bà cho riêng Chị Ng thì bà và Chị Ng thỏa thuận sau khi anh N trả lại vàng cho bà.

[7] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Huỳnh Ng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và đòi lại tài sản riêng của chị Ng nên chị Ng không phải chịu án phí. Chị Ng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.831.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004245 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, chị Ng được nhận lại số tiền 2.531.000 (Hai triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn) đồng, khi bản án có hiệu lực, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Phạm Văn N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Quách Hồng Th nên anh N phải chịu án phí có giá ngạch: 7 chỉ vàng 24 k (vàng 3.930.000 đồng/1 chỉ) x 5% = 1.375.500 (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm) đồng và anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quyết định của Tòa án nên anh N phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Tổng cộng anh N phải chịu án phí là 1.675.500 (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại khoản 6 điều 26; điểm a, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu của bà Quách Hồng Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí. Bà Th đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 1.120.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004401 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho bà Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Huỳnh Ng với anh Phạm Văn N.

- Về con chung:

+ Giao cháu Phạm Khải M, sinh ngày 15/4/2007 cho anh Phạm Văn N nuôi dưỡng.

+ Giao cháu Phạm Khải Đ, sinh ngày 23/9/2009 và cháu Phạm Khải L, sinh ngày 15/01/2014 cho chị Lê Huỳnh Ng nuôi dưỡng.

Chị Lê Huỳnh Ng và anh Phạm Văn N có quyền thăm nom cháu M, cháu Đ, cháu L không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Khải L, sinh ngày 15/01/2014, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Huỳnh Ng về việc yêu cầu chia tài sản chung gồm 1 chiếc xe hiệu Ablal; 01 chiếc xe Wasalpa; 01 chiếc ghe chở hàng 20 tấn; 01 chiếc ghe chở hàng 15 tấn; vật liệu xây dựng và yêu cầu đòi lại tài sản riêng một sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 18k và 01 chiếc vòng đeo tay 1,4 chỉ vàng 18k.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Quách Hồng Th về việc yêu cầu anh Phạm Văn N trả vàng. Buộc anh Phạm Văn N trả cho bà Quách Hồng Th 7 (Bảy) chỉ vàng 24k.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Huỳnh Ng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị Lê Huỳnh Ng không phải chịu án phí có giá ngạch. Chị Ng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.831.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004245 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành

án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, Chị Ng được nhận lại số tiền 2.531.000 (Hai triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn) đồng, khi bản án có hiệu lực.

+ Anh Phạm Văn N phải chịu án phí với số tiền là 1.675.500 (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Bà Quách Hồng Th không phải chịu án phí. Bà Th đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 1.120.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004401 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho bà Th.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh (1b);*
- *Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn